Từ vựng màu & hình 30 (色と形)

Youtube WEB

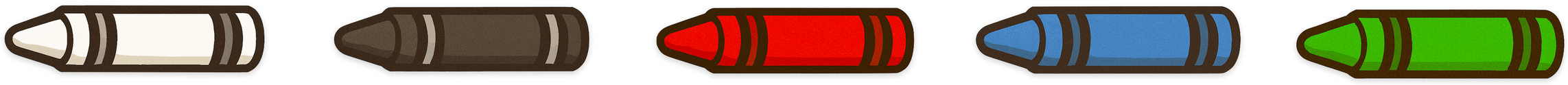

白色 (しろいろ)	黒色 (くろいろ)	赤色 (あかいろ)	青色 (あおいろ)	緑色 (みどりいろ)
Màu trắng	Màu đen	Màu đỏ	Màu xanh dương	Màu xanh lá cây

黄色 (き いろ)	オレンジ色 (いろ)	ピンク色 (いろ)	水色 (みずいろ)	黄緑色 (き みどりいろ)
Màu vàng	Màu cam	Màu hồng	Màu xanh nhạt	Màu xanh nõn chuối

紫色 (むらさきいろ)	茶色 (ちゃいろ)	金色 (きんいろ)	銀色 (ぎんいろ)	銅色 (どういろ)
Màu tím	Màu nâu	Màu vàng kim	Màu bạc	Màu đồng

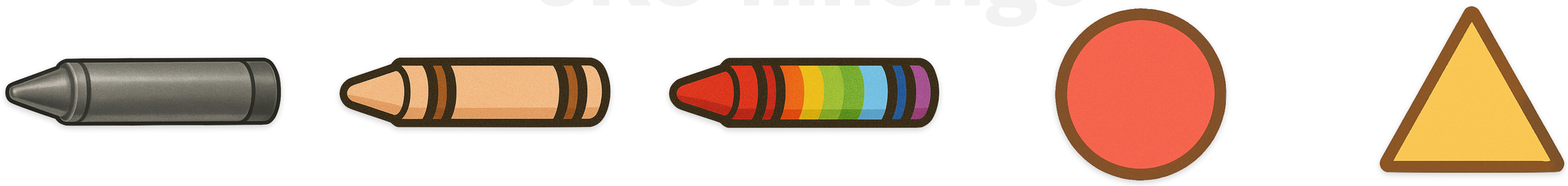

グレー/灰色 (はいいろ)	肌色 (はだいろ)	虹色 (にじいろ)	丸 (まる)	三角 (さんかく)
Màu xám	Màu da	Màu cầu vồng	Hình tròn	Hình tam giác

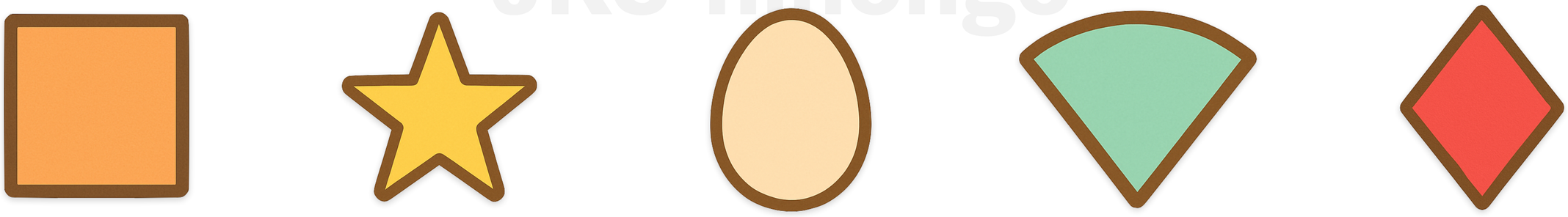

四角 (し かく)	星 (ほし)	卵形 (たまごがた)	扇形 (おうぎがた)	ダイヤ/ひし形 (がた)
Hình vuông	Ngôi sao	Hình bầu dục	Hình quạt	Hình thoi

ハート型 (がた)	スペード	クローバー	バツ	矢印 (や じるし)
Hình trái tim	Hình bích (lá bài)	Hình lá bài tép	Dấu X	Mũi tên

Áp phích này có thể được tải xuống miễn phí trên trang web của chúng tôi. ©JKS-nihongo https://jksnihongo.com/